

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 244/QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ
ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

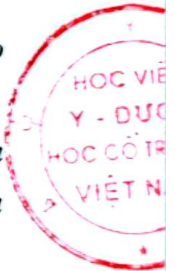
Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDDT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo trình độ Tiến sĩ, chuyên ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDDT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 5746/QĐ-HVYDCT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;



Căn cứ kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2026 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc xét duyệt và công nhận kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền, đợt 1 năm 2026 cho 05 ứng viên dự tuyển (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính – Quản trị; các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Huy





**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026**
(Kèm theo Quyết định số 2444/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 7 năm 2026
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm chấm đề cương	Điểm chấm Hồ sơ	Điểm (ưu tiên)	Ghi chú
1	Trần Thu	Phuong	03/04/1995	Nữ	8,43	Đạt		
2	Chữ Lương	Huân	08/01/1995	Nam	8,37	Đạt		
3	Phùng Thùy	Trang	08/11/1988	Nữ	8,26	Đạt		
4	Lê Ngọc	Son	06/01/1983	Nam	8,16	Đạt		
5	Đinh Trọng	Thái	20/07/1994	Nam	7,64	Đạt		

(*Danh sách có 05 thí sinh*).
W

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 2448 /QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Chuyên khoa I
ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

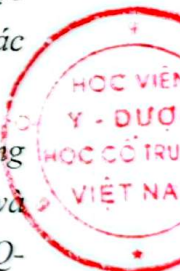
Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-HVYDCT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa I;



Căn cứ kết quả tuyển sinh Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2025 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc xét duyệt và công nhận kết quả tuyển sinh Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026 cho 217 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính – Quản trị; các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.



Nguyễn Quốc Huy



BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA I
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1317/QĐ-HVYDCT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành YHCT			
1	CKI198	Hà Hồng	Thu	25/08/1987	Nữ	9,00	9,00	1	19,00	
2	CKI012	Bùi Đức	Bình	03/06/1993	Nam	9,75	9,00		18,75	
3	CKI045	Phạm Thị Minh	Giang	06/09/1993	Nữ	9,50	9,25		18,75	
4	CKI072	Hứa Thị	Huê	21/10/1995	Nữ	9,00	8,75	1	18,75	
5	CKI140	Vy Thị	Nga	23/06/1996	Nữ	8,50	9,00	1	18,50	
6	CKI213	Trần Thị Thúc	Trang	06/07/1994	Nữ	8,50	9,00	1	18,50	
7	CKI044	Lê Thị Thu	Giang	28/11/1994	Nữ	9,25	9,00		18,25	
8	CKI078	Bùi Thị Thanh	Huyền	25/03/1995	Nữ	9,25	9,00		18,25	
9	CKI050	Vũ Thu	Hà	15/01/1995	Nữ	9,25	8,75		18,00	
10	CKI096	Vũ Thị Thùy	Hương	04/04/1994	Nữ	8,25	8,50	1	17,75	
11	CKI107	Phạm Thị Hoàng	Lan	02/11/1991	Nữ	8,00	8,75	1	17,75	
12	CKI122	Phạm Thị Thiên	Lý	10/06/1995	Nữ	8,75	9,00		17,75	
13	CKI165	Hoàng Thị Bích	Phượng	28/10/1990	Nữ	8,50	8,25	1	17,75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành VHCT			
14	CKI202	Vuong Thi	Thúy	20/07/1995	Nữ	9,25	8,50		17,75	
15	CKI212	Trần Thị Thu	Trang	25/09/1994	Nữ	8,75	9,00		17,75	
16	CKI018	Trần Thị	Chi	11/09/1989	Nữ	9,00	8,50		17,50	
17	CKI025	Võ Thị Ngọc	Diệp	24/08/1994	Nữ	8,50	9,00		17,50	
18	CKI054	Mai Thị	Hạnh	03/10/1991	Nữ	8,75	8,75		17,50	
19	CKI059	Vũ Thị	Hằng	15/10/1994	Nữ	8,25	9,25		17,50	
20	CKI073	Đặng Văn	Hùng	18/09/1991	Nam	8,00	8,50	1	17,50	
21	CKI084	Nguyễn Thị Thu	Huyền	20/07/1992	Nữ	8,50	9,00		17,50	
22	CKI121	Hoàng Ngọc	Ly	15/09/1996	Nữ	8,00	8,50	1	17,50	
23	CKI123	Đỗ Thị	Mai	14/12/1993	Nữ	9,00	8,50		17,50	
24	CKI125	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	15/08/1996	Nữ	8,75	8,75		17,50	
25	CKI184	Nguyễn Minh	Tuệ	30/01/1983	Nam	8,25	8,25	1	17,50	
26	CKI227	Phạm Thị	Xuân	01/04/1993	Nữ	8,75	8,75		17,50	
27	CKI070	Lê Đình	Hoàn	22/05/1991	Nam	8,00	9,25		17,25	
28	CKI110	Đinh Thị Thủy	Linh	28/11/1991	Nữ	8,75	8,50		17,25	
29	CKI118	Nguyễn Thị	Lộc	10/03/1995	Nữ	8,25	9,00		17,25	
30	CKI134	Là Thị	Mơ	05/11/1995	Nữ	8,25	8,00	1	17,25	
31	CKI141	Trần Thị	Ngân	02/01/1993	Nữ	8,75	7,50	1	17,25	
32	CKI196	Vũ Thị	Thơ	02/09/1988	Nữ	8,25	9,00		17,25	
33	CKI215	Nguyễn Văn	Trọng	11/01/1999	Nam	8,75	8,50		17,25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành YHCT			
34	CKI219	Dương Thị Tú	Uyên	28/07/1997	Nữ	8,50	8,75		17,25	
35	CKI057	Đỗ Thị	Hằng	11/09/1993	Nữ	8,75	8,25		17,00	
36	CKI091	Nguyễn Minh	Hương	22/03/1993	Nữ	8,50	8,50		17,00	
37	CKI103	Nguyễn Thị Hồng	Khánh	04/12/1999	Nữ	8,50	8,50		17,00	
38	CKI106	Đoàn Phương	Lan	08/10/1995	Nữ	7,50	8,50	1	17,00	
39	CKI108	Phan Thị Tùng	Lâm	20/04/1996	Nữ	8,50	8,50		17,00	
40	CKI109	Nguyễn Thị Phương	Liên	23/10/1993	Nữ	8,50	8,50		17,00	
41	CKI116	Nguyễn Quang	Long	05/02/1994	Nam	8,75	8,25		17,00	
42	CKI137	Nguyễn Quang	Nam	03/08/1983	Nam	8,50	8,50		17,00	
43	CKI147	Cao Thị Minh	Nguyễn	02/04/1985	Nữ	8,50	8,50		17,00	
44	CKI174	Phan Thị Hồng	Sương	06/06/1992	Nữ	8,25	8,75		17,00	
45	CKI182	Nguyễn Văn	Tú	01/09/1994	Nam	8,00	9,00		17,00	
46	CKI189	Lê Đại	Thành	14/09/1981	Nam	8,50	8,50		17,00	
47	CKI190	Bùi Phương	Thảo	28/03/1987	Nữ	8,00	9,00		17,00	
48	CKI200	Trịnh Lệ	Thu	16/11/1991	Nữ	8,50	8,50		17,00	
49	CKI208	Đặng Ngọc	Trang	20/01/1993	Nữ	8,25	8,75		17,00	
50	CKI220	Nguyễn Thị	Vân	02/10/1995	Nữ	8,50	8,50		17,00	
51	CKI228	Đậu Thị	Yến	17/06/1995	Nữ	8,75	8,25		17,00	
52	CKI229	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/05/1997	Nữ	8,00	9,00		17,00	
53	CKI052	Nguyễn Thị	Hải	21/09/1996	Nữ	8,25	8,50		16,75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành YHCT			
54	CKI058	Hoàng Diệu	Hàng	03/02/1999	Nữ	8,25	8,50		16,75	
55	CKI063	Nguyễn Văn	Hiệp	14/10/1996	Nam	8,00	8,75		16,75	
56	CKI066	Tạ Thị	Hoa	18/02/1988	Nữ	7,75	9,00		16,75	
57	CKI075	Lương Hữu	Hùng	16/08/1992	Nam	8,25	8,50		16,75	
58	CKI076	Nguyễn Phi	Hùng	28/05/1993	Nam	8,25	8,50		16,75	
59	CKI086	Lê Văn	Hùng	06/07/1985	Nam	8,50	8,25		16,75	
60	CKI150	Trình Thị Hồng	Nhung	21/08/1993	Nữ	8,00	8,75		16,75	
61	CKI168	Nguyễn Khắc	Quyết	03/02/1997	Nam	8,00	8,75		16,75	
62	CKI176	Nguyễn Đức	Tâm	09/02/1990	Nam	8,00	8,75		16,75	
63	CKI177	Phan Thị Minh	Tâm	18/05/1995	Nữ	8,25	8,50		16,75	
64	CKI187	Nguyễn Thị Hồng	Thái	18/05/1988	Nữ	8,00	8,75		16,75	
65	CKI217	Nguyễn Thành	Trung	13/07/1998	Nam	8,25	8,50		16,75	
66	CKI224	Đinh Đức	Vương	04/11/1993	Nam	8,00	8,75		16,75	
67	CKI023	Nguyễn Thị Hò	Diên	29/12/1983	Nữ	8,50	8,00		16,50	
68	CKI024	Nguyễn Hồng	Diệp	16/04/1996	Nữ	8,75	7,75		16,50	
69	CKI069	Đinh Công	Hoàn	10/03/1995	Nam	8,50	8,00		16,50	
70	CKI077	Phạm Tài	Hùng	07/11/1988	Nam	8,00	7,50	1	16,50	
71	CKI083	Nguyễn Thị Thu	Huyền	26/05/1997	Nữ	8,50	8,00		16,50	
72	CKI094	Phan Ngọc	Hương	30/01/1995	Nữ	8,00	8,50		16,50	
73	CKI095	Trần Thị	Hương	07/08/1988	Nữ	8,00	8,50		16,50	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành YHCT			
74	CKI114	Phan Nhất	Linh	11/11/1998	Nam	8,00	8,50		16,50	
75	CKI126	Bùi Đức	Mạnh	23/03/1994	Nam	8,25	8,25		16,50	
76	CKI129	Lê Thái	Minh	08/05/1987	Nam	8,00	8,50		16,50	
77	CKI133	Trần Đăng	Minh	04/10/2000	Nam	8,50	8,00		16,50	
78	CKI146	Trần Thị Bích	Ngọc	08/02/1991	Nữ	8,50	8,00		16,50	
79	CKI148	Phan Thị	Nhàn	07/11/1989	Nữ	8,25	8,25		16,50	
80	CKI154	Huỳnh Kim	Phúc	19/04/1994	Nam	8,50	8,00		16,50	
81	CKI156	Đỗ Thị Minh	Phương	13/06/1988	Nữ	7,50	9,00		16,50	
82	CKI158	Nguyễn Thị Hải	Phương	15/08/1987	Nữ	8,25	8,25		16,50	
83	CKI163	Tổng Thanh	Phương	10/09/1985	Nam	8,00	8,50		16,50	
84	CKI164	Đào Thị	Phượng	21/03/1989	Nữ	7,75	8,75		16,50	
85	CKI166	Nguyễn Đình	Quát	26/09/1994	Nam	8,25	8,25		16,50	
86	CKI167	Nguyễn Duy	Quý	19/04/1997	Nam	8,00	8,50		16,50	
87	CKI183	Nguyễn Anh	Tuấn	02/10/1990	Nam	7,75	8,75		16,50	
88	CKI192	Võ Thị Hoa	Thắm	20/06/1994	Nữ	8,25	8,25		16,50	
89	CKI205	Nguyễn Thị	Thùy	31/08/1985	Nữ	8,25	8,25		16,50	
90	CKI211	Phạm Thị	Trang	11/01/1994	Nữ	7,75	8,75		16,50	
91	CKI221	Ngô Thị Kiều	Vi	15/02/1994	Nữ	8,75	7,75		16,50	
92	CKI010	Nguyễn Bá	Bảo	06/02/1983	Nam	7,75	8,50		16,25	
93	CKI021	Nguyễn Thị	Chung	22/11/1981	Nữ	8,75	7,50		16,25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành YHCT			
94	CKI042	Nguyễn Hữu	Dức	21/08/1997	Nam	7,25	8,00	1	16,25	
95	CKI055	Nguyễn Thị	Hành	23/01/1991	Nữ	7,25	9,00		16,25	
96	CKI061	Đặng Thị	Hiền	19/07/1994	Nữ	8,25	8,00		16,25	
97	CKI064	Phạm Trung	Hiếu	29/06/1993	Nam	7,50	8,75		16,25	
98	CKI065	Trần Huy	Hiệu	27/09/1979	Nam	8,75	7,50		16,25	
99	CKI068	Nguyễn Thị Thu	Hoài	06/04/1983	Nữ	8,25	8,00		16,25	
100	CKI090	Hà Thị	Hương	10/03/1992	Nữ	8,50	7,75		16,25	
101	CKI093	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/06/1985	Nữ	7,75	8,50		16,25	
102	CKI101	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	29/10/1983	Nữ	7,00	8,25	1	16,25	
103	CKI104	Nguyễn Thị Kim	Khánh	27/08/1995	Nữ	8,00	8,25		16,25	
104	CKI119	Hà Thị	Luyến	24/08/1994	Nữ	8,25	8,00		16,25	
105	CKI124	Hồ Thị	Mai	25/09/1993	Nữ	8,00	8,25		16,25	
106	CKI131	Phạm Trần Tuấn	Minh	13/11/1994	Nam	7,75	8,50		16,25	
107	CKI143	Lê Văn	Nghiêm	15/09/1973	Nam	7,50	7,75	1	16,25	
108	CKI161	Phạm Hồng	Phuong	14/10/1983	Nam	8,25	8,00		16,25	
109	CKI188	Nguyễn Thị Đan	Thanh	03/08/1987	Nữ	7,75	8,50		16,25	
110	CKI210	Nguyễn Thị Hà	Trang	14/04/1997	Nữ	8,25	8,00		16,25	
111	CKI027	Chu Thị	Dung	11/05/1988	Nữ	7,75	8,25		16,00	
112	CKI036	Vũ Tiến	Dạt	16/02/1995	Nam	8,50	7,50		16,00	
113	CKI038	Nguyễn Ngọc	Diệp	17/07/1997	Nam	8,25	7,75		16,00	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành VHCT			
114	CKI080	Hoàng Vũ Thu	Huyền	04/12/1994	Nữ	8,50	7,50		16,00	
115	CKI082	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15/02/1994	Nữ	7,75	8,25		16,00	
116	CKI115	Trần Thị Diệu	Linh	12/07/1995	Nữ	7,75	8,25		16,00	
117	CKI135	Nguyễn Thị Thuý	Nà	09/09/1998	Nữ	7,75	8,25		16,00	
118	CKI149	Trương Xuân	Nhân	24/08/1994	Nam	7,75	8,25		16,00	
119	CKI178	Đậu Thị	Tiên	09/01/1999	Nữ	7,25	8,75		16,00	
120	CKI199	Nguyễn Thị Hà	Thu	26/09/1993	Nữ	7,50	8,50		16,00	
121	CKI005	Nguyễn Tuấn	Anh	08/11/1989	Nam	7,75	8,00		15,75	
122	CKI035	Nguyễn Xuân	Dương	22/02/1994	Nam	7,75	8,00		15,75	
123	CKI039	Nguyễn Quốc	Đoàn	09/09/1990	Nam	7,50	8,25		15,75	
124	CKI043	Nguyễn Trung	Đức	03/03/1995	Nam	7,00	7,75	1	15,75	
125	CKI067	Nguyễn Trọng	Hoà	19/12/1987	Nam	7,25	8,50		15,75	
126	CKI102	Đoàn Duy	Khánh	02/02/1992	Nam	7,50	8,25		15,75	
127	CKI136	Nguyễn Hoài	Nam	18/09/1993	Nam	7,00	8,75		15,75	
128	CKI142	Vũ Trọng	Nghĩa	19/02/1997	Nam	7,50	8,25		15,75	
129	CKI155	Đặng Thị Hoài	Phuong	26/02/1995	Nữ	7,75	8,00		15,75	
130	CKI170	Phạm Thị Như	Quỳnh	27/01/1986	Nữ	7,75	8,00		15,75	
131	CKI172	Vũ Văn	Soái	19/09/1985	Nam	8,25	7,50		15,75	
132	CKI195	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	13/01/1997	Nữ	7,75	8,00		15,75	
133	CKI197	Đoàn Thị Hoài	Thu	04/05/1992	Nữ	7,50	8,25		15,75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành YHCT			
134	CKI002	Bùi Đức	Anh	31/10/1993	Nam	8,00	7,50		15,50	
135	CKI004	Hoàng Kim	Anh	22/07/1997	Nữ	7,75	7,75		15,50	
136	CKI006	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	31/03/1999	Nữ	8,25	7,25		15,50	
137	CKI009	Huỳnh Vũ Anh	Bảo	21/10/1990	Nam	7,75	7,75		15,50	
138	CKI032	Nguyễn Đức	Duy	20/09/1991	Nam	7,00	8,50		15,50	
139	CKI060	Trần Thị	Hân	05/09/1987	Nữ	7,50	8,00		15,50	
140	CKI081	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	17/06/1998	Nữ	8,25	7,25		15,50	
141	CKI097	Lê Thị	Hương	19/07/1997	Nữ	7,00	8,50		15,50	
142	CKI111	Nguyễn Hà Phương	Linh	26/12/1992	Nữ	7,75	7,75		15,50	
143	CKI159	Nguyễn Thị Linh	Phuong	08/03/1994	Nữ	7,75	6,75	1	15,50	
144	CKI160	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	16/01/1996	Nữ	7,00	8,50		15,50	
145	CKI186	Đào Thị Tharch	Tuyền	28/07/1987	Nữ	7,75	7,75		15,50	
146	CKI204	Lâm Thị	Thủy	20/09/1996	Nữ	7,25	8,25		15,50	
147	CKI214	Thị Thị Tuyết	Trinh	31/12/1985	Nữ	7,75	7,75		15,50	
148	CKI223	Bùi Quang	Vũ	11/12/1991	Nam	7,25	8,25		15,50	
149	CKI007	Nguyễn Văn Tú	Anh	14/04/1997	Nam	7,75	7,50		15,25	
150	CKI020	Vũ Sỹ	Chính	10/12/1971	Nam	8,00	7,25		15,25	
151	CKI051	Đinh Thị Thanh	Hải	21/02/1995	Nữ	7,50	7,75		15,25	
152	CKI088	Bùi Thị Thanh	Huong	16/01/1996	Nữ	7,50	7,75		15,25	
153	CKI120	Phạm Quang	Lưu	24/08/1987	Nam	7,50	7,75		15,25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành YHCT			
154	CKI153	Trần Thanh	Phong	11/06/1989	Nam	8,00	7,25		15,25	
155	CKI162	Phạm Xuân	Phuong	27/07/1993	Nữ	6,50	8,75		15,25	
156	CKI180	Nguyễn Văn	Tới	10/04/1990	Nam	8,00	7,25		15,25	
157	CKI181	Nguyễn Quang	Tú	24/01/1991	Nam	7,75	7,50		15,25	
158	CKI207	Huỳnh Thị Ngọc	Thư	29/04/1998	Nữ	7,75	7,50		15,25	
159	CKI209	Đặng Quỳnh	Trang	15/04/1996	Nữ	8,25	7,00		15,25	
160	CKI017	Nguyễn Thị Hai	Chi	06/09/1988	Nữ	7,50	7,50		15,00	
161	CKI022	Vũ Trọng	Chuyển	07/03/1994	Nam	8,00	7,00		15,00	
162	CKI071	Đào Thị	Hồng	09/08/1988	Nữ	7,25	7,75		15,00	
163	CKI074	Lê Văn	Hùng	26/04/1992	Nam	7,50	7,50		15,00	
164	CKI087	Nguyễn Hải	Hung	03/05/1994	Nam	7,50	7,50		15,00	
165	CKI113	Nguyễn Thủy	Linh	18/12/1995	Nữ	7,50	7,50		15,00	
166	CKI128	Hoàng Đan	Minh	23/04/1983	Nữ	8,00	7,00		15,00	
167	CKI130	Nguyễn Đức	Minh	21/07/1982	Nam	7,75	7,25		15,00	
168	CKI226	Thiều Quốc	Vượng	23/01/1987	Nam	8,50	6,50		15,00	
169	CKI011	Nguyễn Quốc	Bảo	22/12/1994	Nam	8,00	6,75		14,75	
170	CKI014	Hoàng Quốc	Công	02/09/1988	Nam	8,25	6,50		14,75	
171	CKI028	Nguyễn Thị	Dung	12/10/1985	Nữ	8,25	6,50		14,75	
172	CKI089	Đào Mai	Hương	30/03/1989	Nữ	7,25	7,50		14,75	
173	CKI098	Phạm Thị	Hường	20/09/1994	Nữ	7,00	7,75		14,75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành VHCT			
174	CKI139	Nguyễn Thủy	Nga	15/03/1992	Nữ	7,00	7,75		14,75	
175	CKI152	Trương Hồng	Phấn	03/01/1991	Nam	7,00	6,75	1	14,75	
176	CKI169	Nguyễn Thị Ái	Quỳnh	01/09/1996	Nữ	7,00	7,75		14,75	
177	CKI203	Vân Đức	Thùy	03/10/1982	Nam	8,00	6,75		14,75	
178	CKI033	Lê Hữu	Dương	07/06/1998	Nam	7,50	6,00	1	14,50	
179	CKI053	Vũ Tuấn	Hải	21/10/1976	Nam	7,00	7,50		14,50	
180	CKI100	Trần Trung	Kiên	24/09/1996	Nam	7,50	7,00		14,50	
181	CKI185	Hoàng Duy	Tùng	01/06/1986	Nam	7,50	7,00		14,50	
182	CKI218	Nguyễn Đình	Trưởng	26/09/1989	Nam	6,00	8,50		14,50	
183	CKI041	Hồ Việt	Đức	29/08/1993	Nam	7,25	7,00		14,25	
184	CKI049	Vũ Thị Thanh	Hà	13/09/1995	Nữ	8,00	6,25		14,25	
185	CKI056	Lương Quỳnh Như	Hào	08/07/1997	Nữ	8,00	6,25		14,25	
186	CKI171	Nguyễn Thị Đông	Sang	09/02/1988	Nữ	7,75	6,50		14,25	
187	CKI175	Nguyễn Đức	Tâm	18/09/1990	Nam	7,25	7,00		14,25	
188	CKI015	Nguyễn Thế	Cử	08/07/1985	Nam	6,25	7,75		14,00	
189	CKI034	Nguyễn Quốc	Dương	21/12/1990	Nam	6,75	7,25		14,00	
190	CKI117	Phan Văn	Lọng	25/02/1991	Nam	8,00	6,00		14,00	
191	CKI179	Nguyễn Thủy	Tiên	16/12/1993	Nữ	7,50	6,50		14,00	
192	CKI003	Đặng Hồng	Anh	19/02/1991	Nữ	7,75	6,00		13,75	
193	CKI099	Trần Trung	Kiên	24/01/1997	Nam	7,25	6,50		13,75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành YHCT			
194	CKI144	Nguyễn Duy	Ngọc	11/07/1986	Nam	7,00	6,75		13,75	
195	CKI001	Nguyễn Thị	An	22/07/1993	Nữ	6,50	7,00		13,50	
196	CKI079	Đào Thị	Huyền	16/06/1995	Nữ	8,00	5,50		13,50	
197	CKI193	Hồ Vũ Việt	Thắng	08/10/1997	Nam	6,25	7,25		13,50	
198	CKI225	Phạm Văn	Vượng	18/06/1986	Nam	6,25	7,25		13,50	
199	CKI013	Lê Viết Phan	Bình	28/01/1989	Nam	7,25	6,00		13,25	
200	CKI030	Vũ Thị Thuý	Dung	11/01/2000	Nữ	7,75	5,50		13,25	
201	CKI037	Nguyễn Thách	Đắc	03/02/1991	Nam	5,25	7,00	1	13,25	
202	CKI105	Trịnh Thế	Khôi	20/01/1987	Nam	5,75	7,50		13,25	
203	CKI157	Huỳnh Thị Diệu	Phuong	07/11/1992	Nữ	5,00	8,25		13,25	
204	CKI173	Đỗ Mạnh	Son	23/02/1986	Nam	7,50	5,75		13,25	
205	CKI085	Vũ Đức	Huỳnh	16/09/1998	Nam	6,75	6,25		13,00	
206	CKI127	Bùi Tuấn	Minh	13/03/1989	Nam	6,50	6,50		13,00	
207	CKI031	Mai Vĩnh	Duy	13/05/1990	Nam	6,50	6,25		12,75	
208	CKI048	Phạm Văn	Hà	19/08/1988	Nam	7,75	5,00		12,75	
209	CKI092	Nguyễn Thị Mai	Hương	09/11/1973	Nữ	5,25	7,50		12,75	
210	CKI132	Tạ Quang	Minh	22/05/1994	Nam	6,25	6,50		12,75	
211	CKI194	Trương Phước	Thiện	27/07/1999	Nam	7,75	5,00		12,75	
212	CKI040	Bùi Thị	Đức	03/05/1984	Nữ	5,00	7,50		12,50	
213	CKI046	Bùi Thị	Hà	21/04/1984	Nữ	5,50	6,75		12,25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Sinh lý	Chuyên ngành YHCT			
214	CKI138	Nguyễn Văn	Nam	15/01/1978	Nam	6,00	6,25		12,25	
215	CKI216	Bách Trần	Trung	20/07/1991	Nam	5,25	6,75		12,00	
216	CKI016	Nguyễn Văn	Cường	07/06/1984	Nam	5,25	5,50	1	11,75	
217	CKI047	Phạm Lê Thanh	Hà	15/03/1999	Nữ	5,50	6,00		11,50	

(Danh sách có 217 thí sinh) ./.



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Chuyên khoa II
ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2992/QĐ-HVYDCT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền;



Căn cứ kết quả tuyển sinh Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2026 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc xét duyệt và công nhận kết quả tuyển sinh Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026 cho 29 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trường phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính – Quản trị; các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SĐH.

GIÁM ĐỐC



* Nguyễn Quốc Huy



HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH TRỪNG TUYỂN CHUYÊN KHOA II
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1779 /QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm (cột 8+9)	Ghi chú
						Ngoại ngữ	Chuyên ngành YHCT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	CKII002	Lê Mạnh	Công	05/11/1990	Nam	79,0	8,00		8,00	
2	CKII009	Đào Thị	Hoa	11/12/1987	Nữ	Miễn thi	8,00		8,00	
3	CKII011	Nguyễn Thu	Huyền	07/09/1990	Nữ	76,0	8,00		8,00	
4	CKII012	Nguyễn Thị Hồng	Loan	08/12/1980	Nữ	79,0	8,00		8,00	
5	CKII015	Vũ Thị	Lý	10/04/1993	Nữ	Miễn thi	8,00		8,00	
6	CKII029	Đỗ Xuân	Thắng	02/03/1987	Nam	Miễn thi	8,00		8,00	
7	CKII006	Trần Thị Hải	Hà	10/03/1984	Nữ	80,5	7,75		7,75	
8	CKII008	Vũ Ngọc	Hiếu	15/08/1995	Nam	82,5	7,75		7,75	
9	CKII017	Dương Tài Phương	Mơ	17/05/1975	Nữ	76,5	6,75	1	7,75	
10	CKII022	Nguyễn Thị Minh	Phuong	12/08/1987	Nữ	Miễn thi	7,75		7,75	
11	CKII033	Nguyễn Đức	Vũ	01/08/1994	Nam	Miễn thi	7,75		7,75	
12	CKII014	Vũ Văn	Luyện	26/06/1986	Nam	72,5	7,50		7,50	
13	CKII021	Nguyễn Minh	Phuong	07/05/1986	Nam	Miễn thi	7,50		7,50	
14	CKII025	Trần Quang	Tuấn	12/11/1975	Nam	Miễn thi	6,50	1	7,50	
15	CKII027	Vũ Thanh	Tuyền	05/05/1986	Nam	Miễn thi	7,50		7,50	



STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm (cột 8+9)	Ghi chú
						Ngoại ngữ	Chuyên ngành YHCT			
16	CKII028	Nguyễn Hữu	Thanh	22/01/1982	Nam	74,5	7,50		7,50	
17	CKII004	Hoàng Văn	Đức	10/10/1989	Nam	78,5	7,25		7,25	
18	CKII016	Vũ Thị	Mận	26/11/1982	Nữ	77,0	7,25		7,25	
19	CKII018	Đỗ Thị	Nhân	04/10/1983	Nữ	76,0	7,00		7,00	
20	CKII031	Hoàng Nguyễn Huyền	Trang	23/11/1987	Nữ	70,5	6,75		6,75	
21	CKII023	Trần Hồng	Quân	10/08/1982	Nam	66,5	6,50		6,50	
22	CKII001	Trần Văn	Anh	18/08/1988	Nam	74,0	6,25		6,25	
23	CKII010	Nguyễn Thị	Hoa	23/10/1982	Nữ	80,0	6,25		6,25	
24	CKII024	Đặng Xuân	Sáng	16/01/1992	Nam	Miễn thi	6,25		6,25	
25	CKII030	Đoàn Thị	Thúy	27/01/1982	Nữ	75,0	6,25		6,25	
26	CKII020	Bùi Hoài	Phuong	30/10/1978	Nữ	82,0	6,00		6,00	
27	CKII032	Lê Quốc	Trung	28/04/1987	Nam	79,5	5,75		5,75	
28	CKII013	Lê Nguyễn	Long	18/04/1973	Nam	Miễn thi	5,50		5,50	
29	CKII026	Lê Thế	Tuyên	11/05/1979	Nam	75,5	5,50		5,50	

(Danh sách có 29 thí sinh)./.

W

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 2780 /QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Thạc sĩ định hướng ứng dụng
ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

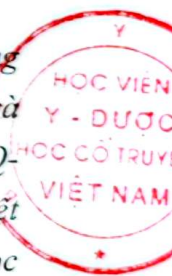
Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDDT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDDT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-HVYDCT ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ kết quả tuyển sinh Thạc sĩ đợt 1 năm 2026 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2026 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc xét duyệt và công nhận kết quả tuyển sinh Thạc sĩ đợt 1 năm 2026;



Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Y học cổ truyền, đợt 1 năm 2026 cho 31 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trường phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính – Quản trị; các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC

* **Nguyễn Quốc Huy**

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi			Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Ngoại ngữ	Lý luận YHCT	Bệnh học			
1	CHYUD041	Trần Thị Thùy	Trang	12/08/1998	Nữ	Miễn thi	9,00	8,50		17,50	
2	CHYUD015	Nguyễn Thị Phương	Hoa	06/02/1992	Nữ	Miễn thi	9,00	8,00		17,00	
3	CHYUD025	Vũ Thị	Linh	06/09/1993	Nữ	Miễn thi	8,75	8,25		17,00	
4	CHYUD038	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/1991	Nữ	Miễn thi	8,25	8,50		16,75	
5	CHYUD040	Trần Quỳnh	Trang	06/04/1993	Nữ	Miễn thi	8,75	8,00		16,75	
6	CHYUD020	Lê Thu	Huyền	19/02/1991	Nữ	Miễn thi	8,25	8,25		16,50	
7	CHYUD021	Phạm Thị	Hương	15/04/2000	Nữ	Miễn thi	8,50	8,00		16,50	
8	CHYUD024	Hoàng Đồng	Khánh	22/01/1992	Nam	Miễn thi	8,25	8,25		16,50	
9	CHYUD031	Nguyễn Đình	Phong	29/10/1990	Nam	Miễn thi	8,50	8,00		16,50	
10	CHYUD013	Phạm Minh	Hiếu	27/02/2001	Nam	Miễn thi	8,00	8,00		16,00	
11	CHYUD016	Vũ Mai	Hoa	09/02/1995	Nữ	Miễn thi	8,50	7,50		16,00	
12	CHYUD019	Đặng Mỹ	Huyền	28/07/1995	Nữ	Miễn thi	8,25	7,75		16,00	
13	CHYUD023	Vũ Thị	Hương	21/09/1997	Nữ	Miễn thi	8,00	8,00		16,00	
14	CHYUD027	Đỗ Ngọc	Mai	16/11/1999	Nữ	Miễn thi	8,00	8,00		16,00	



STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi			Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
						Ngoại ngữ	Lý luận YHCT	Bệnh học			
15	CHYUD032	Nguyễn Thị Minh	Phuong	11/12/1999	Nữ	Miễn thi	7,75	8,25		16,00	
16	CHYUD005	An Thị Ngọc	Châm	24/09/1996	Nữ	Miễn thi	8,00	7,75		15,75	
17	CHYUD026	Lê Văn	Lực	17/11/1996	Nam	Miễn thi	8,25	7,50		15,75	
18	CHYUD039	Trần Huyền	Trang	18/02/1999	Nữ	Miễn thi	8,25	7,50	-	15,75	
19	CHYUD036	Nguyễn Anh	Tuấn	20/11/1997	Nam	Miễn thi	8,25	7,25		15,50	
20	CHYUD004	Nguyễn Đức	Công	09/07/2000	Nam	Miễn thi	7,50	7,75		15,25	
21	CHYUD006	Phạm Văc	Dũng	05/01/1992	Nam	Miễn thi	8,25	7,00		15,25	
22	CHYUD028	Phạm Quang	Minh	17/01/1987	Nam	Miễn thi	8,50	6,75		15,25	
23	CHYUD034	Phạm Văc	Toàn	05/09/1999	Nam	Miễn thi	7,75	7,50		15,25	
24	CHYUD007	Nguyễn Tài Thùy	Dương	20/09/1999	Nữ	Miễn thi	7,75	7,25		15,00	
25	CHYUD018	Đỗ Thị	Hồng	18/09/1993	Nữ	Miễn thi	8,00	7,00		15,00	
26	CHYUD030	Phạm Thị Như	Ngọc	28/12/1991	Nữ	Miễn thi	8,75	6,00		14,75	
27	CHYUD029	Vũ Văc	Nam	02/03/1994	Nam	Miễn thi	6,75	7,75		14,50	
28	CHYUD022	Tạ Thị Ngọc	Hương	03/03/1997	Nữ	Miễn thi	8,00	5,75		13,75	
29	CHYUD033	Phạm Viêt	Tiếp	17/11/1995	Nam	Miễn thi	7,00	6,75		13,75	
30	CHYUD035	Nguyễn Đình	Tới	04/01/1992	Nam	Miễn thi	7,00	6,75		13,75	
31	CHYUD037	Nguyễn Minh	Tùng	08/07/1999	Nam	Miễn thi	7,25	6,50		13,75	

(Danh sách có 31 thí sinh) ./.



BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 244 /QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Thạc sĩ định hướng nghiên cứu
ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-HVYDCT ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ kết quả tuyển sinh Thạc sĩ đợt 1 năm 2026 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2026 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc xét duyệt và công nhận kết quả tuyển sinh Thạc sĩ đợt 1 năm 2026;



Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Y học cổ truyền đợt 1 năm 2026, cho 19 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trường phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính – Quản trị; các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.

**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Quốc Huy



BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2384 /QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi			Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Ngoại ngữ	Lý luận YHCT	Bệnh học			
1	CHYNC006	Nguyễn Thọ	Hiếu	16/09/1997	Nam	Miễn thi	8,75	8,75		17,50	
2	CHYNC008	Nguyễn Thị	Hòa	07/07/1999	Nữ	Miễn thi	8,75	8,75		17,50	
3	CHYNC013	Vũ Thị	Ngọc	05/05/1996	Nữ	Miễn thi	8,5	8,75		17,25	
4	CHYNC007	Nguyễn Thị	Hoà	10/10/1999	Nữ	Miễn thi	8,5	8,50		17,00	
5	CHYNC017	Bùi Quang	Tĩnh	20/01/1998	Nam	Miễn thi	8,75	8,25		17,00	
6	CHYNC019	Nguyễn Hương	Trà	09/09/1993	Nữ	Miễn thi	8,25	8,75		17,00	
7	CHYNC005	Nguyễn Thị Thu	Hiền	19/01/1997	Nữ	Miễn thi	8,25	8,50		16,75	
8	CHYNC014	Đoàn Thị Hồng	Nhung	12/07/2000	Nữ	Miễn thi	8,25	8,25		16,50	
9	CHYNC015	Ninh Thị Thanh	Phuong	31/01/2001	Nữ	Miễn thi	8,25	8,25		16,50	
10	CHYNC009	Phùng Thị Thu	Hương	26/02/2001	Nữ	Miễn thi	7,25	8,50		15,75	
11	CHYNC016	Thân Văn	Tiếp	24/10/1998	Nam	Miễn thi	7,5	8,00		15,50	
12	CHYNC018	Vũ Trọng	Tùng	31/12/2000	Nam	Miễn thi	7,5	8,00		15,50	
13	CHYNC001	Tạ Văn	Biện	02/02/1999	Nam	Miễn thi	7,75	7,50		15,25	
14	CHYNC003	Chu Thị Khánh	Chi	18/02/1994	Nữ	Miễn thi	7,75	7,50		15,25	
15	CHYNC011	Nguyễn Duy	Long	02/04/2000	Nam	Miễn thi	7,25	8,00		15,25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi			Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Ngoại ngữ	Lý luận VHCT	Bệnh học			
16	CHYNCC004	Nguyễn Đức	Dũng	23/10/2001	Nam	Miễn thi	7,75	7,25		15,00	
17	CHYNCC020	Nguyễn Thu	Trang	01/09/1998	Nữ	Miễn thi	7	7,75		14,75	
18	CHYNCC010	Nguyễn Trung	Kiên	18/08/2000	Nam	Miễn thi	6,25	7,50		13,75	
19	CHYNCC002	Nguyễn Quốc	Chánh	01/01/1978	Nam	Miễn thi	5,75	7,25		13,00	

(Danh sách có 19 thí sinh) ./.





BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 2483 /QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Chuyên khoa I
ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền đợt 1 năm 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-HVYDCT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa I;



Căn cứ kết quả tuyển sinh Chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền đợt 1 năm 2026 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2026 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc xét duyệt và công nhận kết quả tuyển sinh Chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền đợt 1 năm 2026 cho 02 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trường phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính – Quản trị; các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆT NAM DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA I
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2783 /QĐ-HVNDCT ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Hóa phân tích	Dược liệu - Dược học cổ truyền			
1	CKID001	Tổng Thị	Bé	30/03/1987	Nữ	9,5	9		18,50	
2	CKID002	Đoàn Quang	Hòa	19/09/1978	Nam	9,5	8,5		18,00	

(Danh sách có 02 thí sinh) ./.

خدا

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 1484/QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Thạc sĩ định hướng nghiên cứu
ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền đợt 1 năm 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-HVYDCT ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ kết quả tuyển sinh Thạc sĩ năm 2026 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2026 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc xét duyệt và công nhận kết quả tuyển sinh Thạc sĩ năm 2026;



Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền năm 2026, cho 04 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trường phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính Quản trị; các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.





**DANH SÁCH TRƯNG TUYỂN THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 2784 /QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 7 năm 2026
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm chấm đề cương	Điểm chấm Hồ sơ	Điểm (ưu tiên)	Ghi chú
1	Ngô Thị	Duyên	22/06/2002	Nữ	8,2	Đạt		
2	Nguyễn Hữu	Nghị	28/11/1993	Nam	8,5	Đạt		
3	Nguyễn Thị	Nguyệt	29/01/1983	Nữ	8,2	Đạt		
4	Vũ Thị	Phuong	06/06/1965	Nữ	8,2	Đạt		

(*Danh sách có 04 thí sinh*)./.

SV

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận trúng tuyển Thạc sĩ định hướng ứng dụng
ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền đợt 1 năm 2026**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

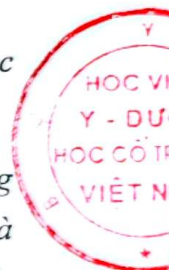
Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-HVYDCT ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ kết quả tuyển sinh Thạc sĩ năm 2026 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2026 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc xét duyệt và công nhận kết quả tuyển sinh Thạc sĩ năm 2026;



Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền năm 2026 cho 01 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trường phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính – Quản trị; các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC
HỌC VIÊN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM
Nguyễn Quốc Huy



BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DANH SÁCH TRƯNG TUYỂN THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 2782/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 7 năm 2026
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Điểm thi		Điểm (ưu tiên)	Tổng điểm	Ghi chú
						Hóa phân tích	Dược liệu - Dược học cổ truyền			
1	CHDUD001	Vũ Văn	Hương	22/04/1992	Nam	5,5	5,0		10,50	

(*Danh sách có 01 thí sinh*).